TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ- ST
Ngày 26/6/2025
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Ngô Cao Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28/5/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 11/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm: 1997; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, B1 tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/7/2016 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, sau đó cùng nhau đi làm dưới thành phố Hà Nội, thời gian đầu chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vấn đề kinh tế của vợ chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, ngoài ra còn do chị còn có mâu thuẫn với gia đình chồng, gia đình chồng nhiều lần hay nhắc lại vấn đề của hai vợ chồng và cho rằng đó là lỗi của chị dẫn đến mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng vẫn không hòa hợp và đã ly thân từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị và anh B không thể tiếp tục chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ly H với anh Nguyễn Văn B.

1.2. Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017. Hiện cháu L1 đang ở cùng chị tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L1, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo gọi anh Nguyễn Văn B đến để giải quyết vụ án nhưng anh B đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Kết quả xác minh tại địa phương xác định được: Anh B và chị L đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện S. Sau khi kết hôn thì sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện S. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế gia đình. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng đều không thành. Hai anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Về con chung anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017, hiện cháu L1 đang ở cùng chị L. Về tài sản, công nợ chung thì thôn không nắm được.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Đ là bà nội của anh Nguyễn Văn B thì anh B và chị L đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, khoảng đầu năm 2020 chị L thường xuyên chơi bời, không chịu khó làm ăn chăm lo cho chồng con và gia đình. Đến năm 2021 chị L tự ý đưa con về nhà ngoại sinh sống từ đó cho đến nay và không quay về nhà nội. Anh B và chị L đã sống ly thân từ đó. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng chị L không nghe và không đồng ý quay lại với anh B. Về con chung anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017, hiện nay cháu đang ở cùng chị L ở nhà ngoại trong tỉnh Thanh Hóa. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị bà không rõ. Việc Tòa án giải quyết ly hôn gia đình đã nắm được và đã báo cho B, anh B có ý kiến hiện nay anh đang đi làm xa, không về để giải quyết được. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm

sát đề nghị: Áp dụng các Điều 53, Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,* tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Lê Thị L: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

* Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017 cho chị Lê Thị Lệ T trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

* Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

* Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Nguyễn Văn B đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh B đi làm xa nhà và thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh B cũng đã biết việc Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn nhưng anh B vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi làm việc cụ thể, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn B vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 20/7/2016 tại UBND xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2023, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ngoài ra còn do chị và gia đình chồng không hòa hợp dẫn đến mâu thuẫn của hai vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ ngày 20 tháng 10 năm 2023 đến nay. Lời khai của chị L phù hợp lời khai của những người làm chứng và kết quả xác minh tại địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng anh B và chị L thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2023 đến nay, cả hai đã không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L là xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017. Hiện nay cháu L1 hiện đang ở cùng chị L. Chị L đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án anh B không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án, không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; không có ý kiến, đề nghị về việc nuôi dưỡng con chung. Kết quả xác minh cho thấy anh B thường xuyên vắng mặt tại gia đình và địa phương. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L1, cần giao cháu L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lê Thị L xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn B *(Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2016 ngày 20/7/2016 được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn B).*

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Lê Thùy L1, sinh ngày 24/02/2017 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị L phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000099 ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003748201 ngày 11/4/2025 tại Cổng dịch vụ công quốc gia).

- Anh Nguyễn Văn B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Ma Quốc Thể - Ngô Cao Lâm	**Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Đại Phú (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm